

Số: 422/QĐ-LTT-ĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 8 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấm thi bổ sung kết thúc học phần (kỳ thi chính) Học kỳ II năm học 2014-2015
Bậc đào tạo: Trung cấp chuyên nghiệp – Khóa 2014

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1727/QĐ-GDDT-TC ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 01/2015/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành “Điều lệ trường Cao đẳng”;

Căn cứ Thông tư số 22/2014/TT-BGD&ĐT ngày 09 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy chế đào tạo Trung cấp chuyên nghiệp;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tuyển sinh - Đào tạo - Giới thiệu việc làm,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay cấm thi bổ sung kết thúc học phần (kỳ thi chính) Học kỳ II năm học 2014-2015 của học sinh trung cấp chuyên nghiệp – Khóa 2014 gồm: 128 học sinh (danh sách đính kèm).

Điều 2. Học sinh bị cấm thi kết thúc học phần nào thì phải nhận điểm “0” của học phần đó để tính điểm học phần và phải đăng ký học lại để trả nợ học phần.

Điều 3. Các phòng, khoa và học sinh có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận :

- Như điều 3;
- Lưu: VT, P.TS-ĐT-GTVL.

KI, HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Dinh Văn Dê

**DANH SÁCH HỌC SINH CẤM THI BỔ SUNG KẾT THÚC HỌC PHẦN (KỲ THI CHÍNH)
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2014 - 2015**

Bậc đào tạo: TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP - KHÓA 2014

(Kèm theo Quyết định số: 1122 /QĐ-LTT-ĐT ngày 03 tháng 8 năm 2015
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

TT	Họ và tên	Lớp	Học phần bị cấm thi	Lý do cấm		%	Ghi chú
				Điểm TB < 3.0	Số tiết vắng		
1	Nguyễn Quân Đạt	14TC-ĐT	Máy điện		19 / 60	31.67%	
2	Nguyễn Thanh Trung	14TC-ĐT	Anh văn 2		30 / 60	50.00%	
			Máy điện		19 / 60	31.67%	
			Tin học cơ bản		25 / 60	41.67%	
3	Thân Quang Vinh	14TC-ĐT	Anh văn 2	1.5	23 / 60	38.33%	
			Máy điện		22 / 60	36.67%	
4	Phan Ngọc Vinh	14TC-ĐT	Anh văn 2		23 / 60	38.33%	
			Máy điện		28 / 60	46.67%	
			Tin học cơ bản		30 / 60	50.00%	
5	Đào Huy Cường	14TC-Đ1	Anh văn 2	0.5	16 / 60	26.67%	
6	Phạm Hoàng Dân	14TC-Đ1	Anh văn 2		60 / 60	100.00%	
			Truyền động điện		43 / 45	95.56%	
7	Tiết Thành Đông	14TC-Đ1	Anh văn 2		60 / 60	100.00%	
			Truyền động điện		40 / 45	88.89%	
8	Tăng Bá Dương	14TC-Đ1	Anh văn 2		60 / 60	100.00%	
			Truyền động điện		43 / 45	95.56%	
9	Trần Đình Hà	14TC-Đ1	Anh văn 2		60 / 60	100.00%	
			Truyền động điện		40 / 45	88.89%	
10	Võ Minh Hiếu	14TC-Đ1	Anh văn 2		60 / 60	100.00%	
			Truyền động điện		40 / 45	88.89%	
11	Huỳnh Hữu Kháng	14TC-Đ1	Anh văn 2		25 / 60	41.67%	
			Tin học cơ bản	0	30 / 60	50.00%	
12	Hồ Lê Quốc Kiệt	14TC-Đ1	Anh văn 2		60 / 60	100.00%	
			Truyền động điện		43 / 45	95.56%	
13	Trần Tuấn Kiệt	14TC-Đ1	Anh văn 2		60 / 60	100.00%	
			Truyền động điện		43 / 45	95.56%	
14	Đặng Ngọc Kim	14TC-Đ1	Anh văn 2		60 / 60	100.00%	
			Truyền động điện		43 / 45	95.56%	
15	Nguyễn Viết Lâm	14TC-Đ1	Anh văn 2	1.7	40 / 60	66.67%	
			Tin học cơ bản	0	30 / 60	50.00%	
16	Đinh Hoàng Đức Nhân	14TC-Đ1	Tin học cơ bản		40 / 60	66.67%	
			Truyền động điện		45 / 45	100.00%	
17	Phạm Văn Phương	14TC-Đ1	Tin học cơ bản		40 / 60	66.67%	
			Truyền động điện		45 / 45	100.00%	
18	Võ Trần Tấn Sang	14TC-Đ1	Anh văn 2		60 / 60	100.00%	
			Truyền động điện		43 / 45	95.56%	

TT	Họ và tên		Lớp	Học phần bị cấm thi	Lý do cấm		%	Ghi chú
					Điểm TB < 3.0	Số tiết vắng		
19	Nguyễn Thanh	Son	14TC-Đ1	Anh văn 2		60 / 60	100.00%	
				Tin học cơ bản		30 / 60	50.00%	
20	Phạm Thanh	Tâm	14TC-Đ1	Anh văn 2		20 / 60	33.33%	
21	Nguyễn Hoàng	Thạch	14TC-Đ1	Anh văn 2		60 / 60	100.00%	
				Tin học cơ bản		40 / 60	66.67%	
				Truyền động điện		43 / 45	95.56%	
22	Nguyễn Thái	Thanh	14TC-Đ1	Anh văn 2		60 / 60	100.00%	
				Tin học cơ bản		40 / 60	66.67%	
				Truyền động điện		43 / 45	95.56%	
23	Nguyễn Phúc	Thiện	14TC-Đ1	Anh văn 2		60 / 60	100.00%	
				Tin học cơ bản		40 / 60	66.67%	
				Truyền động điện		43 / 45	95.56%	
24	Nguyễn Xuân	Thịnh	14TC-Đ1	Anh văn 2		26 / 60	43.33%	
25	Nguyễn Dương Ngọc	Tinh	14TC-Đ1	Anh văn 2		60 / 60	100.00%	
				Tin học cơ bản		40 / 60	66.67%	
				Truyền động điện		40 / 45	88.89%	
26	Phạm Đức	Trọng	14TC-Đ1	Anh văn 2		60 / 60	100.00%	
				Tin học cơ bản		40 / 60	66.67%	
				Truyền động điện		45 / 45	100.00%	
27	Nguyễn Minh	Trung	14TC-Đ1	Anh văn 2		60 / 60	100.00%	
				Tin học cơ bản		40 / 60	66.67%	
				Truyền động điện		43 / 45	95.56%	
28	Nguyễn Thanh	Vũ	14TC-Đ1	Anh văn 2		60 / 60	100.00%	
				Tin học cơ bản		40 / 60	66.67%	
				Truyền động điện		45 / 45	100.00%	
29	Phan Hồ	Bình	14TC-ĐL	Anh văn 2		60 / 60	100.00%	
				Tin học cơ bản		24 / 60	40.00%	
				Trang bị điện		28 / 45	62.22%	
30	Thái Hoàng	Duy	14TC-ĐL	Tin học cơ bản		60 / 60	100.00%	
31	Nguyễn Văn	Huấn	14TC-ĐL	Tin học cơ bản		60 / 60	100.00%	
32	Triệu Mạnh	Khang	14TC-ĐL	Anh văn 2	0.7	39 / 60	65.00%	
				Tin học cơ bản		36 / 60	60.00%	
				Trang bị điện		26 / 45	57.78%	
33	Phạm Công	Khanh	14TC-ĐL	Anh văn 2		60 / 60	100.00%	
				Tin học cơ bản		36 / 60	60.00%	
				Trang bị điện		34 / 45	75.56%	
34	Nguyễn Quốc	Khánh	14TC-ĐL	Tin học cơ bản		48 / 60	80.00%	
				Trang bị điện		36 / 45	80.00%	
35	Võ Thanh	Nam	14TC-ĐL	Anh văn 2		60 / 60	100.00%	
				Tin học cơ bản		36 / 60	60.00%	
				Trang bị điện		32 / 45	71.11%	
36	Trần Đặng Duy	Tân	14TC-ĐL	Tin học cơ bản		60 / 60	100.00%	
37	Phạm Ngọc	Tiến	14TC-ĐL	Anh văn 2	1.0	40 / 60	66.67%	
				Tin học cơ bản		24 / 60	40.00%	
				Trang bị điện		30 / 45	66.67%	

NH PH
 NG
 DANG
 HUAT
 TRON
 CHIMIN

TT	Họ và tên	Lớp	Học phần bị cấm thi	Lý do cấm		%	Ghi chú
				Điểm TB < 3.0	Số tiết vắng		
38	Trần Nguyễn Công Trí	14TC-ĐL	Tin học cơ bản		24 / 60	40.00%	
			Trang bị điện		26 / 45	57.78%	
39	Nguyễn Thanh Tùng	14TC-ĐL	Anh văn 2	1.0	60 / 60	100.00%	
			Tin học cơ bản		40 / 60	66.67%	
			Trang bị điện		34 / 45	75.56%	
40	Lê Hoàng Anh	14TC-CKT	Nguyên lý cắt		60 / 60	100.00%	
			TT Tiện cơ bản		120 / 120	100.00%	
41	Trần Phạm Phương Đại	14TC-CKT	Anh văn 2		60 / 60	100.00%	
			Nguyên lý cắt		60 / 60	100.00%	
			TT Tiện cơ bản		120 / 120	100.00%	
42	Ngô Hữu Hòa	14TC-CKT	Nguyên lý cắt		14 / 60	23.33%	
43	Võ Thành Liêm	14TC-CKT	Nguyên lý cắt		60 / 60	100.00%	
			TT Tiện cơ bản		120 / 120	100.00%	
44	Đào Duy Nguyên	14TC-CKT	Nguyên lý cắt		20 / 60	33.33%	
45	Trần Văn Pháp	14TC-CKT	Anh văn 2		60 / 60	100.00%	
46	Ngô Đạt Phi	14TC-CKT	Nguyên lý cắt		60 / 60	100.00%	
			TT Tiện cơ bản		120 / 120	100.00%	
47	Hoa Tiến Phúc	14TC-CKT	Nguyên lý cắt		60 / 60	100.00%	
			TT Tiện cơ bản		120 / 120	100.00%	
48	Nguyễn Minh Tân	14TC-CKT	Nguyên lý cắt		60 / 60	100.00%	
			TT Tiện cơ bản		120 / 120	100.00%	
49	Phạm Hoàng Thi	14TC-CKT	TT Tiện cơ bản	2.2			
50	Nguyễn Hữu Trung Thiên	14TC-CKT	Nguyên lý cắt		17 / 60	28.33%	
			TT Tiện cơ bản	2.2			
51	Trần Nguyễn Khánh Thúc	14TC-CKT	Anh văn 2		60 / 60	100.00%	
			Nguyên lý cắt		60 / 60	100.00%	
			TT Tiện cơ bản		120 / 120	100.00%	
52	Phan Nguyễn Hoàng Tôn	14TC-CKT	Nguyên lý cắt		60 / 60	100.00%	
			TT Tiện cơ bản		120 / 120	100.00%	
53	Nguyễn Thành Trình	14TC-CKT	Nguyên lý cắt		60 / 60	100.00%	
			TT Tiện cơ bản		120 / 120	100.00%	
54	Lương Phước Đạo	14TC-CKP	Anh văn 2	0.5	40 / 60	66.67%	
			TT Tiện cơ bản	2.5	120 / 120	100.00%	
55	Hồ Cẩm Kha	14TC-CKP	Anh văn 2	2.8	20 / 60	33.33%	
			TT Tiện cơ bản	2.8			
56	Lê Bá Tuấn	14TC-CKP	Anh văn 2	0.3	43 / 60	71.67%	
			Nguyên lý cắt		60 / 60	100.00%	
			TT Tiện cơ bản		120 / 120	100.00%	
57	Trần Tuấn Anh	14TC-Ô1	Anh văn 2		45 / 60	75.00%	
			Kết cấu Ô tô		75 / 75	100.00%	
			Nguyên lý - Chi tiết máy		57 / 60	95.00%	
58	Đỗ Thành Chơn	14TC-Ô1	Nguyên lý - Chi tiết máy		30 / 60	50.00%	
59	Phan Hồng Công	14TC-Ô1	Nguyên lý - Chi tiết máy		57 / 60	95.00%	
60	Nguyễn Minh Cường	14TC-Ô1	Kết cấu Ô tô		32 / 75	42.67%	
			Nguyên lý - Chi tiết máy		19 / 60	31.67%	

TT	Họ và tên		Lớp	Học phần bị cấm thi	Lý do cấm		%	Ghi chú
					Điểm TB < 3.0	Số tiết vắng		
61	Lê	Đăng	14TC-Ô1	Anh văn 2		45 / 60	75.00%	
62	Đỗ Văn	Diên	14TC-Ô1	Anh văn 2		45 / 60	75.00%	
				Kết cấu Ô tô		75 / 75	100.00%	
				Nguyên lý - Chi tiết máy		54 / 60	90.00%	
63	Hoàng Trung	Du	14TC-Ô1	Anh văn 2		36 / 60	60.00%	
				Kết cấu Ô tô		20 / 75	26.67%	
				Nguyên lý - Chi tiết máy		36 / 60	60.00%	
64	Lê Văn	Được	14TC-Ô1	Nguyên lý - Chi tiết máy		60 / 60	100.00%	
65	Nguyễn Đình	Dương	14TC-Ô1	Anh văn 2		45 / 60	75.00%	
				Kết cấu Ô tô		75 / 75	100.00%	
				Nguyên lý - Chi tiết máy		48 / 60	80.00%	
66	Trần Văn Nguyên	Em	14TC-Ô1	Anh văn 2		45 / 60	75.00%	
				Kết cấu Ô tô		75 / 75	100.00%	
				Nguyên lý - Chi tiết máy		57 / 60	95.00%	
67	Nguyễn Thanh	Hài	14TC-Ô1	Anh văn 2		45 / 60	75.00%	
				Kết cấu Ô tô		75 / 75	100.00%	
				Nguyên lý - Chi tiết máy		57 / 60	95.00%	
68	Lê Đình Minh	Hiếu	14TC-Ô1	Nguyên lý - Chi tiết máy		60 / 60	100.00%	
69	Trịnh Thế	Linh	14TC-Ô1	Nguyên lý - Chi tiết máy		16 / 60	26.67%	
70	Nguyễn Thành	Lộc	14TC-Ô1	Anh văn 2		42 / 60	70.00%	
				Kết cấu Ô tô		75 / 75	100.00%	
				Nguyên lý - Chi tiết máy		57 / 60	95.00%	
71	Phạm Văn	Lung	14TC-Ô1	Nguyên lý - Chi tiết máy		60 / 60	100.00%	
72	Phạm Ngọc	Minh	14TC-Ô1	Anh văn 2		38 / 60	63.33%	
				Kết cấu Ô tô		75 / 75	100.00%	
				Nguyên lý - Chi tiết máy		48 / 60	80.00%	
73	Nguyễn Thái	Nguyên	14TC-Ô1	Nguyên lý - Chi tiết máy		38 / 60	63.33%	
74	Nguyễn Thái Vũ	Nhi	14TC-Ô1	Anh văn 2		45 / 60	75.00%	
				Kết cấu Ô tô		63 / 75	84.00%	
				Nguyên lý - Chi tiết máy		39 / 60	65.00%	
75	Huỳnh Hữu	Quyền	14TC-Ô1	Anh văn 2		39 / 60	65.00%	
76	Nguyễn Minh	Tâm	14TC-Ô1	Anh văn 2		36 / 60	60.00%	
				Kết cấu Ô tô		63 / 75	84.00%	
				Nguyên lý - Chi tiết máy		38 / 60	63.33%	
77	Trần Hoài	Tân	14TC-Ô1	Nguyên lý - Chi tiết máy		60 / 60	100.00%	
78	Bùi Thanh	Thiện	14TC-Ô1	Kết cấu Ô tô		63 / 75	84.00%	
				Nguyên lý - Chi tiết máy		36 / 60	60.00%	
79	Lê Hoàng	Thông	14TC-Ô1	Kết cấu Ô tô		55 / 75	73.33%	
				Nguyên lý - Chi tiết máy		36 / 60	60.00%	
80	Nguyễn Minh	Tiến	14TC-Ô1	Anh văn 2		38 / 60	63.33%	
				Kết cấu Ô tô		55 / 75	73.33%	
				Nguyên lý - Chi tiết máy		39 / 60	65.00%	
81	Phạm Văn	Toàn	14TC-Ô1	Anh văn 2		39 / 60	65.00%	
				Kết cấu Ô tô		63 / 75	84.00%	
				Nguyên lý - Chi tiết máy		45 / 60	75.00%	

TT	Họ và tên	Lớp	Học phần bị cấm thi	Lý do cấm		%	Ghi chú
				Điểm TB < 3.0	Số tiết vắng		
82	Nguyễn Ngọc Vũ	14TC-Ô1	Anh văn 2		39 / 60	65.00%	
83	Hoàng Văn Bình	14TC-Ô2	Anh văn 2		48 / 60	80.00%	
			Kết cấu Ô tô		62 / 75	82.67%	
			Nguyên lý - Chi tiết máy		60 / 60	100.00%	
84	Thị Thành Công	14TC-Ô2	Anh văn 2		45 / 60	75.00%	
			Kết cấu Ô tô		62 / 75	82.67%	
			Nguyên lý - Chi tiết máy		60 / 60	100.00%	
85	Phan Văn Cường	14TC-Ô2	Anh văn 2		18 / 60	30.00%	
86	Trần Quốc Đạt	14TC-Ô2	Anh văn 2		17 / 60	28.33%	
87	Trần Thanh Điền	14TC-Ô2	Anh văn 2		45 / 60	75.00%	
			Kết cấu Ô tô		62 / 75	82.67%	
			Nguyên lý - Chi tiết máy		60 / 60	100.00%	
88	Võ Hoài Doan	14TC-Ô2	Anh văn 2		48 / 60	80.00%	
			Kết cấu Ô tô		62 / 75	82.67%	
			Nguyên lý - Chi tiết máy		60 / 60	100.00%	
89	Nguyễn Duy Duẩn	14TC-Ô2	Anh văn 2		52 / 60	86.67%	
			Kết cấu Ô tô		62 / 75	82.67%	
			Nguyên lý - Chi tiết máy		60 / 60	100.00%	
90	Trần Công Đức	14TC-Ô2	Anh văn 2		42 / 60	70.00%	
			Kết cấu Ô tô		62 / 75	82.67%	
			Nguyên lý - Chi tiết máy		60 / 60	100.00%	
91	Lê Phạm Quốc Được	14TC-Ô2	Anh văn 2		17 / 60	28.33%	
92	Vũ Văn Được	14TC-Ô2	Anh văn 2		18 / 60	30.00%	
			Nguyên lý - Chi tiết máy		42 / 60	70.00%	
93	Nguyễn Thái Trường Hải	14TC-Ô2	Anh văn 2		48 / 60	80.00%	
			Kết cấu Ô tô		62 / 75	82.67%	
			Nguyên lý - Chi tiết máy		60 / 60	100.00%	
94	Trần Đông Hưng	14TC-Ô2	Anh văn 2		24 / 60	40.00%	
95	Lê Huy	14TC-Ô2	Anh văn 2		18 / 60	30.00%	
96	Du Chí Khang	14TC-Ô2	Anh văn 2		48 / 60	80.00%	
			Kết cấu Ô tô		62 / 75	82.67%	
			Nguyên lý - Chi tiết máy		60 / 60	100.00%	
97	Dương Trung Kiên	14TC-Ô2	Anh văn 2		15 / 60	25.00%	
98	Đặng Hoàng Lâm	14TC-Ô2	Anh văn 2		48 / 60	80.00%	
			Kết cấu Ô tô		62 / 75	82.67%	
			Nguyên lý - Chi tiết máy		60 / 60	100.00%	
99	Đào Thanh Liêm	14TC-Ô2	Anh văn 2		45 / 60	75.00%	
			Kết cấu Ô tô		62 / 75	82.67%	
			Nguyên lý - Chi tiết máy		60 / 60	100.00%	
100	Mai Xuân Nghị	14TC-Ô2	Anh văn 2		48 / 60	80.00%	
			Kết cấu Ô tô		62 / 75	82.67%	
			Nguyên lý - Chi tiết máy		60 / 60	100.00%	
101	Ngô Thái Ngọc	14TC-Ô2	Anh văn 2		48 / 60	80.00%	
			Kết cấu Ô tô		62 / 75	82.67%	
			Nguyên lý - Chi tiết máy		60 / 60	100.00%	

TT	Họ và tên		Lớp	Học phần bị cấm thi	Lý do cấm		%	Ghi chú
					Điểm TB < 3.0	Số tiết vắng		
102	Nguyễn Lê	Nguyễn	14TC-Ô2	Anh văn 2		27 / 60	45.00%	
				Kết cấu Ô tô		62 / 75	82.67%	
				Nguyên lý - Chi tiết máy		60 / 60	100.00%	
103	Trần Văn	Quốc	14TC-Ô2	Anh văn 2		48 / 60	80.00%	
				Kết cấu Ô tô		62 / 75	82.67%	
				Nguyên lý - Chi tiết máy		60 / 60	100.00%	
104	Phạm Ngọc	Quyên	14TC-Ô2	Anh văn 2		45 / 60	75.00%	
				Kết cấu Ô tô		62 / 75	82.67%	
				Nguyên lý - Chi tiết máy		60 / 60	100.00%	
105	Dương Thanh	Son	14TC-Ô2	Anh văn 2		48 / 60	80.00%	
				Kết cấu Ô tô		62 / 75	82.67%	
				Nguyên lý - Chi tiết máy		60 / 60	100.00%	
106	Đặng Trọng	Tài	14TC-Ô2	Anh văn 2		48 / 60	80.00%	
				Kết cấu Ô tô		62 / 75	82.67%	
				Nguyên lý - Chi tiết máy		60 / 60	100.00%	
107	Lưu Thành	Tâm	14TC-Ô2	Anh văn 2		36 / 60	60.00%	
				Kết cấu Ô tô		62 / 75	82.67%	
				Nguyên lý - Chi tiết máy		60 / 60	100.00%	
108	Nguyễn Hoàng	Thạch	14TC-Ô2	Anh văn 2		18 / 60	30.00%	
109	Ngô Đặng Duy	Thanh	14TC-Ô2	Anh văn 2		48 / 60	80.00%	
				Kết cấu Ô tô		62 / 75	82.67%	
				Nguyên lý - Chi tiết máy		60 / 60	100.00%	
110	Huỳnh Công	Thiện	14TC-Ô2	Anh văn 2		21 / 60	35.00%	
111	Huỳnh Duy	Thiện	14TC-Ô2	Anh văn 2		42 / 60	70.00%	
				Kết cấu Ô tô		62 / 75	82.67%	
				Nguyên lý - Chi tiết máy		60 / 60	100.00%	
112	Cao Văn	Thời	14TC-Ô2	Anh văn 2		48 / 60	80.00%	
				Kết cấu Ô tô		62 / 75	82.67%	
				Nguyên lý - Chi tiết máy		60 / 60	100.00%	
113	Công Trần	Tiến	14TC-Ô2	Anh văn 2		42 / 60	70.00%	
				Kết cấu Ô tô		62 / 75	82.67%	
				Nguyên lý - Chi tiết máy		60 / 60	100.00%	
114	Võ Khắc	Tiếp	14TC-Ô2	Anh văn 2		21 / 60	35.00%	
115	Hòa Văn	Trung	14TC-Ô2	Anh văn 2		48 / 60	80.00%	
				Kết cấu Ô tô		62 / 75	82.67%	
				Nguyên lý - Chi tiết máy		60 / 60	100.00%	
116	Lê Văn	Tương	14TC-Ô2	Anh văn 2		42 / 60	70.00%	
				Kết cấu Ô tô		62 / 75	82.67%	
				Nguyên lý - Chi tiết máy		60 / 60	100.00%	
117	Bùi Hưng	Vương	14TC-Ô2	Anh văn 2		15 / 60	25.00%	
118	Nguyễn Minh	Luân	14TC-QTM	Lập trình quản lý		90 / 105	85.71%	
119	Nguyễn Xuân	Nam	14TC-QTM	Lập trình quản lý		90 / 105	85.71%	
120	Lưu Quốc	Phong	14TC-QTM	Lập trình quản lý		50 / 105	47.62%	
121	Võ Thanh	Tú	14TC-QTM	Lập trình quản lý		40 / 105	38.10%	

PHÒNG
ĐANG
ĐẠT
HỢNG
CHÍNH

TT	Họ và tên	Lớp	Học phần bị cấm thi	Lý do cấm		%	Ghi chú
				Điểm TB < 3.0	Số tiết vắng		
122	Nguyễn Thị Tường <i>Vĩ</i>	14TC-QTM	Lập trình quản lý		50 / 105	47.62%	
123	Trần Thị <i>Hạnh</i>	14TC-MT	Anh văn 2	0	31 / 60	51.67%	
124	Lý Thị Mỹ <i>Hạnh</i>	14TC-MT	Công nghệ sản xuất may và thời trang CN		14 / 60	23.33%	
125	Trần Thị <i>Huyền</i>	14TC-MT	Anh văn 2		33 / 60	55.00%	
			Công nghệ sản xuất may và thời trang CN		23 / 60	38.33%	
			Tin học cơ bản		32 / 60	53.33%	
126	Phạm Thị <i>Lan</i>	14TC-MT	Anh văn 2	1.5	30 / 60	50.00%	
			Tin học cơ bản		48 / 60	80.00%	
127	Nguyễn Hữu <i>Trọng</i>	14TC-MT	Anh văn 2	1.8	40 / 60	66.67%	
			Tin học cơ bản		36 / 60	60.00%	
128	Thân Thị <i>Tuyền</i>	14TC-MT	Công nghệ sản xuất may và thời trang CN		14 / 60	23.33%	

Tổng cộng danh sách có 128 HS

Ưm